

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39A /2022/DS - ST
Ngày 26 tháng 8 năm 2022
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Huy Tường
2. Ông Dương Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên –Thư ký TAND huyện Việt Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST- DS ngày 25/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐST- DS ngày 09/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở: Số 02, Láng Hạ, pH T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành- chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Đào Thị Phương H- Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Chi nhánh khu công nghiệp Đ (văn bản ủy quyền số 275/UQ-NHNo.KCNBG ngày 29/4/2022 – có mặt)

Bị đơn: Anh Thân Văn L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh B

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/12/2017, Ngân hàng N - Chi nhánh B (viết tắt là Ngân hàng) và anh Thân Văn L ký Hợp đồng tín dụng số 2502LAV 201702311 về việc Ngân hàng cho anh Thân Văn L vay tiền theo nội dung thỏa thuận như sau: Hợp đồng tín dụng được cấp là 200.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức tín dụng 36 tháng kể từ ngày 29/12/2017, mục đích sử dụng tiền vay: Chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của gia đình, lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: ngắn hạn là 9,5%, trung hạn là 11.0%, lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo quý vào ngày 15 tháng đầu quý. Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Trên cơ sở hồ sơ vay vốn, ngày 26/12/2018, Ngân hàng tiếp tục phê duyệt giải ngân cho anh Thân Văn L vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 26/12/2019, lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn 15%/năm thể hiện tại giấy nhận nợ kèm báo cáo giải ngân ngày 26/12/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Thân Văn L chưa trả được khoản tiền gốc nào. Về tiền lãi anh L mới trả được 19.972.603 đồng. Anh Thân Văn L vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi từ ngày 27/12/2019. Anh Thân Văn L không thuộc trường hợp được gia hạn nợ hoặc cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Tạm tính đến hết ngày 29/4/2022, anh Thân Văn L còn nợ Ngân hàng nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 46.684.931 đồng, nợ phí chậm trả lãi là 357.534 đồng.

Ngân hàng xác định khoản vay nêu trên là nợ chung của anh Thân Văn L và chị Hoàng Thị H vì mục đích sử dụng tiền vay để phát triển kinh tế gia đình, chị Hoàng Thị H là vợ anh Thân Văn L đã ủy quyền cho anh Thân Văn L làm các thủ tục với Ngân hàng về khoản vay này.

Do anh Thân Văn L, chị Hoàng Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nên Ngân hàng khởi kiện: Buộc anh Thân Văn L và chị Hoàng Thị H trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 29/4/2022 là 197.042.465 đồng trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng; nợ lãi là 46.684.931 đồng (gồm nợ lãi trong hạn: 15.000.000 đồng; lãi quá hạn là 31.684.931 đồng); phạt chậm trả lãi trong hạn là 357.534 đồng và toàn bộ tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 30/4/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số 2502LAV201702311 ngày 29/12/2017.

Bị đơn là anh Thân Văn L đã được biết về việc nguyên đơn là Ngân hàng N khởi kiện nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc, không cung cấp giấy tờ, tài liệu gì. Sau khi nhận Thông báo Thụ lý vụ án, giấy báo làm việc của Tòa án, anh Thân Văn L đã đi khỏi địa phương nhưng không Thông báo địa chỉ nơi ở mới cho Tòa án, cho chính quyền địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và các văn bản tố tụng khác tại địa chỉ thôn 7, xã Tăng Tiến, huyện

Việt Yên, tỉnh Bắc (là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh L và là địa chỉ ghi trong Hợp đồng tín dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị H từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án vì lý do không liên quan đến việc vay nợ Ngân hàng của anh L nên đề nghị giải quyết nợ với anh L.

Tại phiên tòa ngày 09/8/2022: Tòa án hoãn phiên tòa vì lý do bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa ngày 26/8/2022:

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa

Nguyên đơn trình bày:

- Tính đến hết ngày 26/8/2022, anh Thân Văn L – chị Hoàng Thị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 204.378.082 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2502LAV201702311 ngày 29/12/2017 trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi phải trả là 54.020.548 đồng; lãi phạt trên lãi chậm trả là 357.534 đồng.

- Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu buộc anh Thân Văn L, chị Hoàng Thị H trả tiền gốc, tiền lãi còn nợ của Hợp đồng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Buộc anh Thân Văn L – chị Hoàng Thị H trả Ngân hàng N tổng số tiền tính đến hết ngày 26/8/2022 là 204.378.082 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2502LAV201702311 ngày 29/12/2017 gồm: nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 54.378.082 đồng.

+ Anh Thân Văn L và chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu anh Thân Văn L, chị Hoàng Thị H trả tiền gốc, tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký do vi phạm nghĩa vụ trả

tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận, cam kết trong Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ. Bị đơn không có giấy phép đăng ký kinh doanh, mục đích vay để chi phí sản xuất kinh doanh, đời sống của gia đình. Căn cứ Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là quan hệ dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

[3]. Về yêu cầu đòi nợ gốc, nợ lãi của nguyên đơn:

[3.1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để viết bản tự khai, để Tòa án lấy lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến làm việc, không nộp bản tự khai. Tòa án đã có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp văn bản ý kiến thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp.

[3.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp xác định ngày ngày 29/12/2017, Ngân hàng N - Chi nhánh Khu công nghiệp Đ (viết tắt là Ngân hàng) và anh Thân Văn L ký Hợp đồng tín dụng số 2502LAV 201702311 về việc Ngân hàng cho anh Thân Văn L vay tiền. Ngày 26/12/2018, anh Thân Văn L được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 150 triệu đồng theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo giải ngân ngày 26/12/2018.

[3.3] Theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ thì ngày 26/12/2019 anh Thân Văn L có nghĩa vụ thanh toán khoản vay nêu trên. Tuy nhiên, anh L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo đúng thỏa thuận đã cam kết là vi phạm Điều 4 Hợp đồng tín dụng số 2502LAV 201702311 ngày 29/12/2017 và giấy nhận nợ ngày 26/12/2018. Quá trình giải quyết vụ án, anh Thân Văn L không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tính đến hết ngày 26/8/2022, anh Thân Văn L còn nợ Ngân hàng số nợ gốc, nợ lãi như Ngân hàng yêu cầu là đúng.

[3.4] Hợp đồng tín dụng số 2502LAV 201702311 ngày 29/12/2017 mặc dù chỉ có anh L ký, chị H không ký nhưng mục đích sử dụng tiền vay trong hợp đồng ghi để phát triển kinh tế gia đình. Khoản tiền vay phát sinh trong thời gian anh L, chị H vẫn là vợ chồng hợp pháp. Tại giấy ủy quyền ngày 29/12/2017, chị Hoàng Thị H ủy quyền cho anh Thân Văn L đại diện, thay mặt chị H xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ. Chị H xác định không liên quan đến khoản vay này nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Do vậy, xác định khoản tiền vay này là khoản vay chung của anh L, chị H.

[3.5] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên thấy yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc anh Thân Văn L, chị Hoàng Thị H trả số tiền còn nợ là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và có căn cứ theo khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên anh Thân Văn L, chị Hoàng Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 90; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc anh Thân Văn L, chị Hoàng Thị H phải trả Ngân hàng N số tiền tính đến hết ngày 26/8/2022 là 204.378.082 đồng (*bằng chữ: Hai trăm linh bốn triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số 2502LAV 201702311 ngày 29/12/2017 trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 54.378.082 đồng.

2. Về án phí:

- Anh Thân Văn L, chị Hoàng Thị H phải chịu 10.218.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng N số tiền 4.920.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006370 ngày 12/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Việt Yên.
- CCTHADS huyện Việt Yên.
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

